

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2682/QĐ-CTCP397 ngày 19/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 do phòng CĐVT lập ngày 22/12/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 23/12/2025 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 24/12/2025 của Tổ thẩm định dự toán và KHLCNT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tuy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tuy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: Mua sắm vật tư tuy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026.

- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: **4.859.884.400 đồng.**

*Bằng chữ: (Bốn tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm đồng chẵn). Đã bao gồm thuế VAT.*

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện Vận tải.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua sắm vật tư tuy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04).

- Giá trị gói thầu: **4.859.884.400 đồng.**

*Bằng chữ: (Bốn tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm đồng chẵn). Đã bao gồm thuế VAT.*

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 12 năm 2025.


- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 347 ngày

- Tùy chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

**Điều 2.** Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyện (c/đ);
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sính**

**BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số .../QĐ-CTCP397 ngày .../.../2025  
của Công ty cổ phần 397)



Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (VNĐ)
<b>I</b>	<b>Hàng hóa chịu thuế 8%</b>				
1	Ống dẫn dầu thủy lực 1 1/2" 2SN	Mét	145	1.262.000	182.990.000
2	Ống dẫn dầu thủy lực 1 1/2" 4SH	Mét	50	1.974.000	98.700.000
3	Ống dẫn dầu thủy lực 1 1/2" R15	Mét	115	2.523.000	290.145.000
4	Ống dẫn dầu thủy lực 1 1/4" 2SN	Mét	145	963.000	139.635.000
5	Ống dẫn dầu thủy lực 1 1/4" 856 4SH	Mét	40	1.660.000	66.400.000
6	Ống dẫn dầu thủy lực 1 1/4" R15	Mét	115	1.986.000	228.390.000
7	Ống dẫn dầu thủy lực 1/2" 2SN	Mét	115	278.000	31.970.000
8	Ống dẫn dầu thủy lực 1/2" 856 4SH	Mét	145	532.000	77.140.000
9	Ống dẫn dầu thủy lực 1/4" 1SN	Mét	20	185.000	3.700.000
10	Ống dẫn dầu thủy lực 1/4" 2SN	Mét	195	205.000	39.975.000
11	Ống dẫn dầu thủy lực 1" 2SN	Mét	50	648.000	32.400.000
12	Ống dẫn dầu thủy lực 1" 856 4SH	Mét	175	983.000	172.025.000
13	Ống dẫn dầu thủy lực 2" 2SN	Mét	70	1.678.000	117.460.000
14	Ống dẫn dầu thủy lực 2" 4SH	Mét	60	2.764.000	165.840.000
15	Ống dẫn dầu thủy lực 2" chịu nhiệt	Mét	40	1.814.000	72.560.000
16	Ống dẫn dầu thủy lực 3/4" 1AT	Mét	50	311.000	15.550.000
17	Ống dẫn dầu thủy lực 3/4" 2SN	Mét	195	466.000	90.870.000
18	Ống dẫn dầu thủy lực 3/4" 856 4SH	Mét	145	643.000	93.235.000
19	Ống dẫn dầu thủy lực SAE 100R6 7/8"	Mét	20	222.000	4.440.000
20	Ống dẫn dầu thủy lực SAE 100R6 3/8"	Mét	100	99.000	9.900.000
21	Ống dẫn dầu thủy lực SAE 100R6 1.1/2"	Mét	30	286.000	8.580.000
22	Ống dẫn dầu thủy lực 5/8" 1SN	Mét	25	284.000	7.100.000
23	Ống dẫn dầu thủy lực 3/8" 1SN	Mét	50	124.000	6.200.000
24	Ống dẫn dầu thủy lực 3/8" 2SN	Mét	650	242.000	157.300.000
25	Ống dẫn dầu thủy lực 5/8" 2SN	Mét	90	380.000	34.200.000
26	Ống dẫn dầu thủy lực 5/8" 4SH	Mét	135	496.000	66.960.000
	<b>Cộng tiền hàng chịu thuế 8%</b>				<b>2.213.665.000</b>
	<b>Thuế GTGT 8%</b>				<b>177.093.200</b>
	<b>Tổng cộng giá trị hàng hóa 8%</b>				<b>2.390.758.200</b>
<b>II</b>	<b>Hàng hóa chịu thuế 10%</b>				
27	Đầu cút ống dẫn dầu 1/4" góc 90 + Vỏ áo 1/4" 2AT	Bộ	100	127.000	12.700.000
28	Đầu cút ống dẫn dầu 1/4" góc 45 + Vỏ áo 1/4" 2AT	Bộ	50	126.000	6.300.000
29	Đầu cút ống dẫn dầu 1/4" + Vỏ áo 1/4" 2AT	Bộ	145	122.000	17.690.000
30	Đầu cút ống dẫn dầu 3/8" góc 90 + Vỏ áo 3/8" 2AT	Bộ	115	134.000	15.410.000
31	Đầu cút ống dẫn dầu 3/8" + Vỏ áo 3/8" 2AT	Bộ	850	131.000	111.350.000
32	Đầu cút ống dẫn dầu 3/8" góc 45+ Vỏ áo 3/8" 2AT	Bộ	60	134.000	8.040.000
33	Đầu cút ống dẫn dầu 1/2" góc 90 + Vỏ áo 1/2" R12	Bộ	90	148.000	13.320.000

34	Đầu cút ống dẫn dầu 1/2" góc 90 + Vỏ áo 1/2" 2AT	Bộ	80	141.000	11.280.000
35	Đầu cút ống dẫn dầu 1/2" + Vỏ áo 1/2" R12	Bộ	100	161.000	16.100.000
36	Đầu cút ống dẫn dầu 1/2" + Vỏ áo 1/2" 2AT	Bộ	70	141.000	9.870.000
37	Đầu cút ống dẫn dầu 1/2" góc 45 + Vỏ áo 1/2" 2AT	Bộ	80	149.000	11.920.000
38	Đầu cút ống dẫn dầu 1/2" góc 45 + Vỏ áo 1/2" R12	Bộ	50	143.000	7.150.000
39	Đầu cút ống dẫn dầu 5/8" góc 90 + Vỏ áo 5/8" 2AT	Bộ	100	197.000	19.700.000
40	Đầu cút ống dẫn dầu 5/8" + Vỏ áo 5/8" 2AT	Bộ	115	187.000	21.505.000
41	Đầu cút ống dẫn dầu 5/8" góc 90 + Vỏ áo 5/8" R12	Bộ	115	236.000	27.140.000
42	Đầu cút ống dẫn dầu 5/8" + Vỏ áo 5/8" R12	Bộ	115	206.000	23.690.000
43	Đầu cút ống dẫn dầu 5/8" góc 45 + Vỏ áo 5/8" 2AT	Bộ	50	139.000	6.950.000
44	Đầu cút ống dẫn dầu 5/8" góc 45 + Vỏ áo 5/8" R12	Bộ	60	190.000	11.400.000
45	Đầu cút ống dẫn dầu 3/4" góc 90 + Vỏ áo 3/4" 2AT	Bộ	125	210.000	26.250.000
46	Đầu cút ống dẫn dầu 3/4" góc 90 + Vỏ áo 3/4" R12	Bộ	125	288.000	36.000.000
47	Đầu cút ống dẫn dầu 3/4" + Vỏ áo 3/4" 2AT	Bộ	125	215.000	26.875.000
48	Đầu cút ống dẫn dầu 3/4" + Vỏ áo 3/4" R12	Bộ	115	221.000	25.415.000
49	Đầu cút ống dẫn dầu 3/4" góc 45 + Vỏ áo 3/4" 2AT	Bộ	100	178.000	17.800.000
50	Đầu cút ống dẫn dầu 3/4" góc 45 + Vỏ áo 3/4" R12	Bộ	100	224.000	22.400.000
51	Đầu cút ống dẫn dầu 1" góc 90 + Vỏ áo 1" 2AT	Bộ	80	223.000	17.840.000
52	Đầu cút ống dẫn dầu 1" góc 90 + Vỏ áo 1" R12	Bộ	155	499.000	77.345.000
53	Đầu cút ống dẫn dầu 1" + Vỏ áo 1" 2AT	Bộ	115	263.000	30.245.000
54	Đầu cút ống dẫn dầu 1" + Vỏ áo 1" R12	Bộ	155	297.000	46.035.000
55	Đầu cút ống dẫn dầu 1" góc 45 + Vỏ áo 1" 2AT	Bộ	100	301.000	30.100.000
56	Đầu cút ống dẫn dầu 1" góc 45 + Vỏ áo 1" R12	Bộ	100	321.000	32.100.000
57	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 90 + Vỏ áo 1"1/4 R12	Bộ	140	379.000	53.060.000
58	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 + Vỏ áo 1"1/4 R12	Bộ	160	411.000	65.760.000
59	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 45 + Vỏ áo 1"1/4 R12	Bộ	105	426.000	44.730.000
60	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 90 + Vỏ áo 1"1/4 R13	Bộ	115	724.000	83.260.000
61	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 + Vỏ áo 1"1/4 R13	Bộ	115	704.000	80.960.000
62	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 45 + Vỏ áo 1"1/4 R13	Bộ	55	709.000	38.995.000
63	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 90 + Vỏ áo 1"1/4 2AT	Bộ	160	606.000	96.960.000
64	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 + Vỏ áo 1"1/4 2AT	Bộ	160	580.000	92.800.000
65	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 45 + Vỏ áo 1"1/4 2AT	Bộ	75	520.000	39.000.000
66	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 90 + Vỏ áo 1"1/2 R12	Bộ	70	849.000	59.430.000
67	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 + Vỏ áo 1"1/2 R12	Bộ	70	928.000	64.960.000
68	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 45 + Vỏ áo 1"1/2 R12	Bộ	40	953.000	38.120.000
69	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 90 + Vỏ áo 1"1/2 R13	Bộ	90	1.207.000	108.630.000
70	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 + Vỏ áo 1"1/2R13	Bộ	115	1.004.000	115.460.000
71	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 45 + Vỏ áo 1"1/2 R13	Bộ	35	1.112.000	38.920.000
72	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 90 + Vỏ áo 1"1/2 2AT	Bộ	155	734.000	113.770.000
73	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 + Vỏ áo 1"1/2 2AT	Bộ	195	709.000	138.255.000
74	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 45 + Vỏ áo 1"1/2 2AT	Bộ	50	696.000	34.800.000
75	Đầu cút ống dẫn dầu 2" góc 90 + Vỏ áo 2" 2AT	Bộ	60	948.000	56.880.000
76	Đầu cút ống dẫn dầu 2" góc 90 + Vỏ áo 2" R12	Bộ	40	1.151.000	46.040.000
77	Đầu cút ống dẫn dầu 2" + Vỏ áo 2" 2AT	Bộ	65	908.000	59.020.000
78	Đầu cút ống dẫn dầu 2" + Vỏ áo 2" R12	Bộ	40	1.102.000	44.080.000
	<b>Cộng tiền hàng chịu thuế 10%</b>				<b>2.253.810.000</b>

	<b>Thuế GTGT 10%</b>				<b>225.381.000</b>
	<b>Tổng cộng giá trị hàng hóa 10%</b>				<b>2.479.191.000</b>
<b>III</b>	<b>Tổng cộng giá trị hàng hóa (I+II)</b>				
	<b>Tổng cộng tiền hàng (I+II)</b>				<b>4.467.475.000</b>
	<b>Tổng cộng tiền thuế GTGT (I+II)</b>				<b>402.474.200</b>
	<b>Tổng cộng giá trị hàng hóa (I+II)</b>				<b>4.869.949.200</b>
<i>Bằng chữ: (Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm đồng chẵn.)</i>					

**Phụ lục**

**BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

(Kèm theo Quyết định số 2.146/QĐ-CTCP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt nội dung công việc										
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua sắm vật tư tuy ô thủy lực, đầu cắt các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04)	Mua sắm vật tư tuy ô thủy lực, đầu cắt các loại phục vụ sản xuất năm 2026	4.859.884.400 đồng	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	30 ngày	Tháng 12 năm 2025	Theo đơn giá cố định	347 ngày	Không	Không

**Bảng chữ: Bốn tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm đồng chẵn./.**